

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN BẮC**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(đã được kiểm toán)



## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 35
Bảng cân đối kế toán	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 35



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc chính thức hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0104546308 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/03/2010, thay đổi lần thứ 8 ngày 20/05/2019.

Trụ sở chính của Công ty tại: 187B, Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hà Sỹ Chuẩn	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 18/04/2019)
Ông Phạm Văn Thắng	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 18/04/2019)
Ông Dương Đình Thọ	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Thành viên	
Bà Bùi Thị Thu Lan	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 18/04/2019)
Ông Nguyễn Châu Giang	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 18/04/2019)
Ông Đinh Quốc Khánh	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 18/04/2019)
Bà Lê Mai Anh	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 18/04/2019)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Đình Thọ	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trọng Nhã	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01/11/2019)
Ông Nguyễn Văn Tại	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Trần Thị Phương Lan	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Trà Giang	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 18/04/2019)
Bà Hoàng Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 18/04/2019)
Bà Bùi Thị Thu Lan	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 18/04/2019)
Bà Lê Thu Hương	Thành viên	
Bà Lê Hồng Phương	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 18/04/2019)

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để

- đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
  - Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
  - Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
  - Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
  - Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc *BN*



**Dương Đình Thọ**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2020

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc được lập ngày 04 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại Thuyết minh Báo cáo tài chính số 5 cho thấy Công ty đang phản ánh khoản nợ phải thu tiền bán sách và thiết bị học tập từ năm 2017 trở về trước của khách hàng lẻ tại hai cửa hàng 187B Giảng Võ và 18/30 Tạ Quang Bửu trên chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng” với số tiền là 3.013.888.150 VND (đã giảm được 2.000.000.000 VND so với số dư đầu năm do các cá nhân đã tự nguyện trả một phần), số dư phòng nợ phải thu khó đòi tương ứng là 1.506.944.075 VND. Với các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết liên quan đến các khoản công nợ này nên không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

**Đỗ Thị Ngọc Dung**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0659-2018-002-1

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2020

**Nguyễn Duy Quảng**

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 3363-2020-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>39.422.081.929</b>	<b>51.338.361.142</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>16.042.574.954</b>	<b>28.312.701.325</b>
111	1. Tiền		6.042.574.954	13.312.701.325
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	15.000.000.000
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	4	<b>63.220.000</b>	<b>63.220.000</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		63.220.000	63.220.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>8.104.023.005</b>	<b>12.409.139.795</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	8.633.510.038	12.864.470.700
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	932.545.963	802.721.086
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	137.963.196	323.958.168
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.599.996.192)	(1.582.010.159)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	9	<b>12.111.859.260</b>	<b>9.696.807.195</b>
141	1. Hàng tồn kho		16.215.795.796	14.889.650.447
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.103.936.536)	(5.192.843.252)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3.100.404.710</b>	<b>856.492.827</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	3.042.471.760	856.492.827
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		57.932.950	-

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>36.170.466.776</b>	<b>22.199.770.302</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>6.155.092.018</b>	<b>5.948.656.381</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	6.155.092.018	5.948.656.381
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>28.717.862.538</b>	<b>14.845.897.306</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	8.342.306.982	13.946.760.459
222	- Nguyên giá		13.424.593.844	19.062.837.721
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.082.286.862)	(5.116.077.262)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	20.375.555.556	899.136.847
228	- Nguyên giá		20.380.000.000	956.528.561
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.444.444)	(57.391.714)
250	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	4	<b>1.231.250.000</b>	<b>1.256.305.000</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.231.250.000	1.680.680.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	(424.375.000)
260	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>66.262.220</b>	<b>148.911.615</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	66.262.220	148.911.615
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>75.592.548.705</b>	<b>73.538.131.444</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>6.876.171.844</b>	<b>8.385.723.803</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>6.876.171.844</b>	<b>8.385.723.803</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	2.232.327.859	1.133.697.433
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		27.349.120	721.626.205
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	958.414.470	559.488.885
314	4. Phải trả người lao động		2.490.835.071	4.110.103.719
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	138.300.009	536.866.961
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	442.291.215	675.714.408
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		586.654.100	648.226.192
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>68.716.376.861</b>	<b>65.152.407.641</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	17	<b>68.716.376.861</b>	<b>65.152.407.641</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		50.000.000.000	50.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.000.000	50.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		7.042.649.716	3.983.567.543
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.598.452.213	1.157.259.577
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		10.075.274.932	10.011.580.521
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.187.727.804	1.187.727.804
421b	LNST chưa phân phối năm nay		8.887.547.128	8.823.852.717
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>75.592.548.705</b>	<b>73.538.131.444</b>

Bùi Thị Thu  
Người lập biểu

Bùi Thị Thu Lan  
Kế toán trưởng



Dương Đình Thọ  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2020

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	446.834.811.888	372.483.961.782
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		446.834.811.888	372.483.961.782
11	3. Giá vốn hàng bán	19	398.106.283.777	327.842.677.245
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		48.728.528.111	44.641.284.537
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	20	1.721.954.011	1.496.037.849
22	6. Chi phí tài chính	21	(403.730.016)	365.105.908
25	7. Chi phí bán hàng	22	21.520.497.187	19.032.800.953
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	19.301.626.015	15.189.273.984
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.032.088.936	11.550.141.541
31	10. Thu nhập khác	24	1.411.495.540	2.185
32	11. Chi phí khác	25	190.351.748	509.216.029
40	12. Lợi nhuận khác		1.221.143.792	(509.213.844)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.253.232.728	11.040.927.697
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	2.365.685.600	2.217.074.980
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>8.887.547.128</u>	<u>8.823.852.717</u>
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	1.511	1.500

Bùi Thị Thu  
Người lập biểu

Bùi Thị Thu Lan  
Kế toán trưởng



Dương Đình Thọ  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2020

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		11.253.232.728	11.040.927.697
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		(1.030.228.858)	1.429.856.814
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		2.115.844.544	1.263.806.369
03	- Các khoản dự phòng		(1.495.295.683)	1.662.088.294
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.650.777.719)	(1.496.037.849)
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		10.223.003.870	12.470.784.511
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		4.041.721.075	7.280.110.524
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.326.145.349)	15.484.465.892
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1.766.590.487)	(13.477.215.385)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2.103.329.538)	852.688.405
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.047.074.980)	(2.221.957.681)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		40.000.000	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.425.150.000)	(591.615.000)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		5.636.434.591	19.797.261.266
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(28.093.696.759)	(2.992.464.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		13.255.438.960	-
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(18.750.000)	(5.583.180.000)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		471.648.000	10.231.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		478.798.837	380.037.849
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		(13.906.560.962)	2.035.393.849
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.000.000.000)	(5.000.000.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		(4.000.000.000)	(5.000.000.000)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(12.270.126.371)	16.832.655.115
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		28.312.701.325	11.480.046.210
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	16.042.574.954	28.312.701.325

Bùi Thị Thu  
Người lập biểu

Bùi Thị Thu Lan  
Kế toán trưởng



Dương Đình Thọ  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2020

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 315/QĐ-TCNS ngày 16/03/2010 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam nhằm mục đích hoàn thiện hệ thống kênh phân phối sách giáo khoa của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0104546308 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/03/2010. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 20/05/2019.

Công ty đã thực hiện đăng ký và chính thức giao dịch cổ phiếu phổ thông trên sàn UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 21/08/2017 với mã chứng khoán là NBE.

Trụ sở chính của Công ty tại: 187B, Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 50.000.000.000 VND (Năm mươi tỷ đồng chẵn).

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

#### Ngành nghề kinh doanh:

- Phát hành sách giáo khoa và các sản phẩm giáo dục, báo chí, văn phòng phẩm,...
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- In ấn và các dịch vụ liên quan đến in ấn;
- Sao chép băng ghi các loại (trừ loại Nhà nước cấm);
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

##### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.5. Các khoản đầu tư tài chính

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

*Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: Căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; Nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

### 2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có

khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 năm
- Tài sản cố định khác	04 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	50 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao

Trong năm, Công ty áp dụng khấu hao nhanh (với mức khấu hao không vượt quá 2 lần so với phương pháp khấu hao đường thẳng) đối với phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản cố định khác để nhanh chóng thu hồi vốn.

## 2.9. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Khi đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, BCC được giao cho đối tác hạch toán toàn bộ doanh thu, chi phí, thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng BCC.

## 2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.12. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.14. Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;



- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### **2.15. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm tài chính và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

#### **2.16. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác,...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **2.17. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

#### **2.18. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

#### **2.19. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

#### **2.20. Thông tin bộ phận**

Do hoạt động chủ yếu của công ty là phân phối sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm và thực hiện các dịch vụ liên quan đến in ấn, địa bàn hoạt động chủ yếu là khu vực Miền Bắc nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	9.385.470	74.066.721
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.033.189.484	13.238.634.604
Các khoản tương đương tiền <sup>(i)</sup>	10.000.000.000	15.000.000.000
	<b><u>16.042.574.954</u></b>	<b><u>28.312.701.325</u></b>

<sup>(i)</sup> Tại ngày 31/12/2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng có giá trị 10.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ với lãi suất 5% đến 5,5% và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây với lãi suất 4,5%.

#### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

##### a) Chứng khoán kinh doanh

	Mã chứng khoán	31/12/2019			01/01/2019		
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị cổ phiếu		63.220.000	89.600.000	-	63.220.000	89.600.000	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội <sup>(i)</sup>	EID	63.220.000	89.600.000	-	63.220.000	89.600.000	-
		<b>63.220.000</b>	<b>89.600.000</b>	<b>-</b>	<b>63.220.000</b>	<b>89.600.000</b>	<b>-</b>

<sup>(i)</sup> Cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội đang được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 28/12/2018 và 31/12/2019 trên sàn HNX.

##### b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Mã chứng khoán	31/12/2019			01/01/2019		
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Các khoản đầu tư khác		1.231.250.000	-	-	1.680.680.000	788.125.000	(424.375.000)
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội <sup>(ii)</sup>	EPH	1.212.500.000	-	-	1.212.500.000	788.125.000	(424.375.000)
- Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Giang		-	-	-	468.180.000	-	-
- Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Lai Châu		18.750.000	-	-	-	-	-
		<b>1.231.250.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.680.680.000</b>	<b>788.125.000</b>	<b>(424.375.000)</b>

<sup>(ii)</sup> Tại ngày 01/01/2019, giá trị hợp lý của cổ phiếu EPH là 788.125.000 VND được xác định theo giá đóng cửa trên sàn HNX. Tuy nhiên, tại ngày 31/12/2019, do không có giá giao dịch trên thị trường nên Công ty không xác định giá trị hợp lý đối với khoản đầu tư này.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác vào ngày 31/12/2019 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Hà Nội	4,9%	4,9%	Tổ chức biên soạn, biên tập, in, chế bản sách
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Lai Châu	Lai Châu	5,1%	5,1%	Phát hành sách giáo dục, thiết bị giáo dục

Lí do thay đổi đối với từng khoản đầu tư:

- Công ty bán toàn bộ số cổ phần tại Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Giang để tái cơ cấu lại các khoản đầu tư tài chính.
- Công ty mua 7.500 cổ phần tại Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Lai Châu với mục đích đầu tư.

#### 5. PHẢI THUNGÁN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn (trên 10% số dư khoản mục)</b>				
- Công nợ tại cửa hàng 187B Giảng Võ và 18/30 Tạ Quang Bửu <sup>(i)</sup>	3.013.888.150	(1.506.944.075)	5.013.888.150	(1.504.166.444)
- Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Yên Bái	1.087.877.660	-	-	-
- Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Lai Châu	3.454.633	-	1.467.228.102	-
<b>b) Các khoản phải thu khách hàng khác</b>				
- Các khoản phải thu của khách hàng khác	4.528.289.595	(93.052.117)	6.383.354.448	(77.843.715)
	<b>8.633.510.038</b>	<b>(1.599.996.192)</b>	<b>12.864.470.700</b>	<b>(1.582.010.159)</b>
<b>c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>13.163.920</b>	<b>-</b>	<b>229.981.708</b>	<b>-</b>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)

<sup>(i)</sup> Nợ phải thu tiền bán sách và thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm tại 2 cửa hàng 187B Giảng Võ và 18/30 Tạ Quang Bửu từ năm 2017 trở về trước nhưng chưa được nộp về Công ty. Công ty đã thành lập tổ công tác để rà soát lại số liệu và xác định trách nhiệm đối với những cá nhân có liên quan trong giai đoạn này. Theo Báo cáo kết quả làm việc số 02/TCT-STBMB của Tổ công tác ngày 12/05/2018 mặc dù đồng ý và ký trên các biên bản xác minh số liệu chi tiết nhưng kế toán cửa hàng không đồng ý ký xác nhận số liệu tổng hợp lại từ các biên bản chi tiết này. Trong năm, các cá nhân đã tự nguyện khắc phục số tiền 2 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2019, Công ty trích dự phòng với tỷ lệ 50% trên tổng số nợ phải thu và đánh giá rằng, số dự phòng đã trích là đủ để bù đắp các tổn thất nếu có.

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Mai Nhị Hà	350.000.000	-	500.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	582.545.963	-	302.721.086	-
	<b>932.545.963</b>	<b>-</b>	<b>802.721.086</b>	<b>-</b>

**7. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Tạm ứng	108.080.000	-	219.028.000	-
Dự thu lãi tiền gửi	18.958.905	-	-	-
Phải thu khác	10.924.291	-	104.930.168	-
	<b>137.963.196</b>	<b>-</b>	<b>323.958.168</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	85.911.700	-	50.000.000	-
Phải thu khác	6.069.180.318	-	5.898.656.381	-
- Công ty CP In Sách Giáo Khoa tại Thành phố Hà Nội <sup>(i)</sup>	5.969.180.318	-	5.798.656.381	-
- Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam <sup>(ii)</sup>	100.000.000	-	100.000.000	-
	<b>6.155.092.018</b>	<b>-</b>	<b>5.948.656.381</b>	<b>-</b>

<sup>(i)</sup> Đây là khoản góp vốn của Công ty theo Hợp đồng số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 cùng với Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội và một số đơn vị khác thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam để thực hiện dự án mở rộng mặt bằng sản xuất (làm kho, xưởng sản xuất) tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội theo hình thức tài sản đồng kiểm soát. Dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư và được thuê đất, ký hợp đồng thuê đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 7.662 m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, do nhiều lý do khách quan Giấy chứng nhận đầu tư của Dự án được UBND Thành phố Hà Nội cấp đã hết hạn từ năm 2016. Vì thế, để triển khai dự án, các bên phải thực hiện các thủ tục để xin gia hạn Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép xây dựng.

Ngày 16/05/2019, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam ra văn bản số 661/NXBGDVN đồng ý về mặt chủ trương cho phép Công ty CP In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội đại diện các bên ký hợp đồng hợp tác với Công ty CP Sản xuất phát triển Mizen. Trên cơ sở đó, Công ty CP In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội (bên A) và Công ty CP Sản xuất phát triển Mizen (bên B) đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư số 131/2019/HTĐT ngày 31/05/2019 với một số nội dung chính như sau:

- Bên A đồng ý cho phép bên B là đối tác duy nhất tham gia hợp tác đầu tư, quản lý sử dụng và kinh doanh dự án trên đất.
- Tổng vốn đầu tư của dự án được các bên tạm thống nhất là 32 tỷ đồng, trong đó bên A góp bằng quyền đầu tư, quyền khai thác thương mại, xây dựng và quản lý công trình được tạm xác định giá trị 12 tỷ đồng tương đương 37,5% tổng vốn dự án, bên B góp bằng tiền và tài sản hợp pháp để đầu tư xây dựng công trình trên đất với giá trị là 20 tỷ đồng tương đương 62,5% tổng vốn dự án.

- Sau khi hoàn thành dự án theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền, các bên thống nhất sẽ thực hiện cùng kinh doanh khai thác và phân chia lợi nhuận thu được theo tỷ lệ góp vốn, hoặc bên A sẽ chuyển lại toàn bộ phần vốn góp dự án cho bên B. Hai bên thống nhất bên B sẽ thanh toán cho bên A một khoản lợi nhuận tạm tính từ hoạt động đầu tư là 10 tỷ đồng và sẽ được chuyển ngay trong vòng 10 ngày kể từ ngày hoàn thành thủ tục chuyển nhượng tài sản trên đất từ bên A sang bên B. Hai bên cũng thống nhất bên B mở một bảo lãnh thanh toán cho nghĩa vụ này tại Ngân hàng.

Ngoài ra, Công ty CP Phát triển sản xuất Mizen (Mizen) cũng đã ký một hợp đồng trích thưởng với Công ty và 2 đơn vị khác góp vốn hợp tác đầu tư dự án theo hợp đồng số 16/2019/HĐTT ngày 23/05/2019. Theo đó, Mizen sẽ trích thưởng bằng tiền mặt với tổng số tiền là 7.538.100.000 VND cho 3 đơn vị, trong đó Công ty được hưởng số tiền 2.826.787.500 VND khi hoàn thành các thủ tục góp vốn, chuyển nhượng và chuyển giao quyền góp vốn.

Tại thời điểm 31/12/2019, các bên vẫn đang nỗ lực triển khai các thủ tục cần thiết cho việc xin gia hạn Giấy chứng nhận đầu tư. Tuy nhiên, với những lợi thế của dự án, Công ty tin tưởng rằng không có tổn thất đối với số tiền mà Công ty đã góp vào dự án.

(ii) Đây là khoản góp vốn với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam để thực hiện dự án xây dựng Trung tâm xuất bản phát hành sách giáo khoa theo Hợp đồng góp vốn số 1F/2010/HĐGV ngày 08/07/2010. Tổng số vốn góp dự kiến góp là 220.000.000.000 đồng. Cho đến thời điểm này, dự án chưa được triển khai.

#### 8. NỢ QUÁ HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn</b>				
Công nợ tại cửa hàng 187B Giảng Võ và 18/30 Tạ Quang Công ty CP Quốc tế Việt Kim Long	3.013.888.150	1.506.944.075	5.013.888.150	3.509.721.706
	132.931.595	39.879.478	155.687.427	77.843.712
	<b>3.146.819.745</b>	<b>1.546.823.553</b>	<b>5.169.575.577</b>	<b>3.587.565.418</b>

#### 9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.783.101.684	-	4.811.957.456	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	641.684.887	-	583.876.836	-
Thành phẩm	6.521.102.830	(2.256.952.774)	4.442.994.676	(1.079.613.893)
Hàng hoá	6.269.906.395	(1.846.983.762)	5.050.821.479	(4.113.229.359)
	<b>16.215.795.796</b>	<b>(4.103.936.536)</b>	<b>14.889.650.447</b>	<b>(5.192.843.252)</b>

Tại ngày 31/12/2019, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho lượng hàng tồn kho có giá gốc 4.602.551.222 VND là các sách và thiết bị ứ đọng, kém, mất phẩm chất khó có khả năng tiêu thụ.

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Thuế GTGT chờ kết chuyển	622.414.338	716.704.927
- Chi phí tổ chức bán thảo, phí quản lý xuất bản	1.235.752.018	139.787.900
- Thiết bị quản lý và Chi phí sửa chữa Văn phòng Công ty	1.184.305.404	-
	<u><b>3.042.471.760</b></u>	<u><b>856.492.827</b></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Chi phí hoàn thiện văn phòng công ty	66.262.220	148.911.615
	<u><b>66.262.220</b></u>	<u><b>148.911.615</b></u>



**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	12.060.554.218	6.176.978.465	413.751.882	411.553.156	19.062.837.721
- Mua trong năm	5.036.417.444	1.496.372.196	415.048.321	765.858.798	7.713.696.759
- Thanh lý, nhượng bán	(12.060.554.218)	(1.291.386.418)	-	-	(13.351.940.636)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.036.417.444</b>	<b>6.381.964.243</b>	<b>828.800.203</b>	<b>1.177.411.954</b>	<b>13.424.593.844</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	723.633.254	3.677.898.120	374.605.215	339.940.673	5.116.077.262
- Khấu hao trong năm	407.073.007	1.332.215.794	149.354.081	213.191.933	2.101.834.815
- Thanh lý, nhượng bán	(844.238.797)	(1.291.386.418)	-	-	(2.135.625.215)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>286.467.464</b>	<b>3.718.727.496</b>	<b>523.959.296</b>	<b>553.132.606</b>	<b>5.082.286.862</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	11.336.920.964	2.499.080.345	39.146.667	71.612.483	13.946.760.459
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>4.749.949.980</b>	<b>2.663.236.747</b>	<b>304.840.907</b>	<b>624.279.348</b>	<b>8.342.306.982</b>

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm 31/12/2019 là 2.788.897.085 VND.

Trong năm, Công ty áp dụng khấu hao nhanh (với mức khấu hao không vượt quá 2 lần so với phương pháp khấu hao đường thẳng) đối với phương tiện vận tải, truyền dẫn, thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản cố định khác. Số chi phí khấu hao cao hơn so với khấu hao theo phương pháp đường thẳng là 648.247.968 VND.



12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	956.528.561	-	956.528.561
- Mua trong năm	20.300.000.000	80.000.000	20.380.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	(956.528.561)	-	(956.528.561)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>20.300.000.000</b>	<b>80.000.000</b>	<b>20.380.000.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	57.391.714	-	57.391.714
- Khấu hao trong năm	9.565.285	4.444.444	14.009.729
- Thanh lý, nhượng bán	(66.956.999)	-	(66.956.999)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>4.444.444</b>	<b>4.444.444</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	899.136.847	-	899.136.847
Tại ngày cuối năm	<b>20.300.000.000</b>	<b>75.555.556</b>	<b>20.375.555.556</b>

(\*) Quyền sử dụng đất là giá trị quyền sử dụng 02 lô đất tại Khu đô thị Văn Khê, Quận Hà Đông được Công ty mua trong năm để làm Trụ sở, với thời gian sử dụng lâu dài nên Công ty không trích khấu hao.

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty TNHH ST Thành Trung	30.000.000	30.000.000	254.810.381	254.810.381
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	1.919.721.139	1.919.721.139	-	-
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	6.105.000	6.105.000	70.504.985	70.504.985
- Phải trả cho các đối tượng khác	276.501.720	276.501.720	808.382.067	808.382.067
	<b>2.232.327.859</b>	<b>2.232.327.859</b>	<b>1.133.697.433</b>	<b>1.133.697.433</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	<b>1.952.199.460</b>	<b>1.952.199.460</b>	<b>242.289.668</b>	<b>242.289.668</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng		5.455.435	1.448.538.675	1.453.994.110	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	547.074.980	2.365.685.600	2.047.074.980	-	865.685.600
Thuế thu nhập cá nhân	-	6.958.470	487.650.346	401.879.946	-	92.728.870
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
	-	<b>559.488.885</b>	<b>4.305.874.621</b>	<b>3.906.949.036</b>	-	<b>958.414.470</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phí tổ chức bàn thảo	138.300.009	432.070.761
Chi phí phải trả khác	-	104.796.200
	<b>138.300.009</b>	<b>536.866.961</b>

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	70.821.364	86.475.554
Phải trả khác	371.469.851	589.238.854
- <i>Hoa hồng môi giới</i>	297.970.855	541.702.055
- <i>Phải trả sau quyết toán vật tư</i>	70.958.406	35.736.602
- <i>Các khoản phải trả khác</i>	2.540.590	11.800.197
	<b>442.291.215</b>	<b>675.714.408</b>

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	2.225.601.519	1.157.259.577	7.945.693.828	61.328.554.924
Lãi trong năm trước	-	-	-	8.823.852.717	8.823.852.717
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Trích bổ sung Quỹ Đầu tư phát triển từ lợi nhuận 2016	-	790.681.289	-	(790.681.289)	-
Trích bổ sung Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận 2017	-	967.284.735	-	(967.284.735)	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>3.983.567.543</b>	<b>1.157.259.577</b>	<b>10.011.580.521</b>	<b>65.152.407.641</b>
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	3.983.567.543	1.157.259.577	10.011.580.521	65.152.407.641
Lãi trong năm nay	-	-	-	8.887.547.128	8.887.547.128
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
Trích lập các quỹ	-	3.059.082.173	441.192.636	(3.500.274.809)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.323.577.908)	(1.323.577.908)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>7.042.649.716</b>	<b>1.598.452.213</b>	<b>10.075.274.932</b>	<b>68.716.376.861</b>

Theo nghị quyết số 09/NQ-ĐHCĐ ngày 18 tháng 04 năm 2019 thông qua phương án phân phối lợi nhuận của năm 2018 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		8.823.852.717
Trích Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5,00%	441.192.636
Trích Quỹ khen thưởng CBCNV	5,00%	441.192.636
Trích Quỹ phúc lợi	5,00%	441.192.636
Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành	5,00%	441.192.636
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	34,67%	3.059.082.173
Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 800 đồng)	45,33%	4.000.000.000

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2019 VND	Tỷ lệ %	01/01/2019 VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	23.000.000.000	46,00%	23.000.000.000	46,00%
Các cổ đông khác	27.000.000.000	54,00%	27.000.000.000	54,00%
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	50.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	50.000.000.000	50.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.000.000.000	5.000.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	-	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	4.000.000.000	5.000.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	4.000.000.000	5.000.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	4.000.000.000	5.000.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	4.000.000.000	5.000.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả cuối năm</i>	-	-

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	7.042.649.716	3.983.567.543
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.598.452.213	1.157.259.577
	<b>8.641.101.929</b>	<b>5.140.827.120</b>

18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	394.026.974.193	315.010.087.168
Doanh thu bán thành phẩm	52.807.837.695	57.473.874.614
	<b>446.834.811.888</b>	<b>372.483.961.782</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	<b>14.176.880.774</b>	<b>11.892.882.334</b>

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	369.730.604.878	296.531.714.612
Giá vốn của thành phẩm đã bán	29.464.585.615	31.072.051.294
Trích lập/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.088.906.716)	238.911.339
	<b>398.106.283.777</b>	<b>327.842.677.245</b>
Trong đó, giá vốn với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	<b>363.593.309.461</b>	<b>275.860.258.275</b>

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi	368.187.742	250.467.849
Lãi bán các khoản đầu tư <sup>(*)</sup>	3.468.000	1.116.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	129.570.000	129.570.000
Chiết khấu thanh toán	1.220.728.269	-
	<b>1.721.954.011</b>	<b>1.496.037.849</b>

<sup>(\*)</sup> Đây là khoản lãi phát sinh từ việc chuyển nhượng cổ phần. Năm 2018, Công ty chuyển nhượng 310.000 cổ phần cho Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hòa Bình với giá gốc 16.500 đồng/cổ phần và giá chuyển nhượng là 20.100 đồng/cổ phần theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 18/2018/HĐCNCP ngày 05 tháng 12 năm 2018. Đây là số cổ phần Công ty đã mua thành công theo hình thức đấu giá cổ phần vào ngày 06/11/2018. Năm 2019, Công ty chuyển nhượng 34.680 cổ phần cho Công ty Cổ phần Sách và thiết bị trường học Hà Giang với giá gốc là 13.500 đồng/cổ phần và giá chuyển nhượng là 13.600 đồng/ cổ phần theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0811/2019/HĐCNCP ngày 08/11/2019. Đây là số cổ phần Công ty đã mua thành công 1.000 cổ phần của cá nhân và 33.680 cổ phần theo hình thức đấu giá cổ phần vào ngày 09/11/2018.

## 21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí tài chính khác	20.644.984	-
Trích lập/ Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính	(424.375.000)	365.105.908
	<b>(403.730.016)</b>	<b>365.105.908</b>

## 22. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.761.419	7.372.829
Chi phí nhân công	7.845.964.796	8.349.159.909
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	127.851.600	366.043.126
Chi phí khấu hao tài sản cố định	374.135.312	612.057.900
Thuế, phí và lệ phí	19.500.856	35.218.971
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.335.772.908	6.629.584.959
Chi phí khác bằng tiền	6.811.510.296	3.033.363.259
	<b>21.520.497.187</b>	<b>19.032.800.953</b>

## 23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nhân công	6.190.148.745	5.374.318.865
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	461.498.564	526.365.295
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.741.709.232	651.748.469
Thuế, phí và lệ phí	68.041.976	12.227.554
Chi phí dự phòng	17.986.033	1.058.071.047
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.165.678.451	1.154.233.890
Chi phí khác bằng tiền	6.656.563.014	6.412.308.864
	<b>19.301.626.015</b>	<b>15.189.273.984</b>

## 24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.149.551.977	-
Các khoản khác	261.943.563	2.185
	<b>1.411.495.540</b>	<b>2.185</b>

## 25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Các khoản bị phạt	87.365.273	212.010.400
Các khoản khác	102.986.475	297.205.629
	<b>190.351.748</b>	<b>509.216.029</b>

## 26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	11.253.232.728	11.040.927.697
Các khoản điều chỉnh tăng	704.765.273	818.277.067
- Các khoản tiền phạt thuế, thù lao HĐQT và BKS không trực tiếp điều hành và các chi phí không được trừ khác	704.765.273	818.277.067
Các khoản điều chỉnh giảm	129.570.000	773.829.862
- Thu nhập từ chia cổ tức được miễn thuế TNDN	129.570.000	129.570.000
- Thu nhập đã tính thuế năm trước theo kết quả Kiểm tra thuế	-	644.259.862
Thu nhập chịu thuế TNDN	11.828.428.001	11.085.374.902
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>2.365.685.600</b>	<b>2.217.074.980</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	547.074.980	551.957.681
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(2.047.074.980)	(2.221.957.681)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>865.685.600</b>	<b>547.074.980</b>

## 27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	8.887.547.128	8.823.852.717
Các khoản điều chỉnh :	1.333.132.069	1.323.577.908
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	1.333.132.069	1.323.577.908
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7.554.415.059	7.500.274.809
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.511</b>	<b>1.500</b>

Quỹ khen thưởng phúc lợi được tạm xác định theo kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua.



## 28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.055.175.234	11.242.639.081
Chi phí nhân công	14.036.113.541	13.723.478.774
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	589.350.164	892.408.421
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.115.844.544	1.263.806.369
Thuế, phí và lệ phí	87.542.832	47.446.525
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	17.986.033	1.058.071.047
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.947.204.204	27.215.289.061
Chi phí khác bằng tiền	13.573.408.470	9.529.881.802
	<b>72.422.625.022</b>	<b>64.973.021.080</b>

## 29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.042.574.954	-	28.312.701.325	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.926.565.252	(1.599.996.192)	19.137.085.249	(1.582.010.159)
Đầu tư ngắn hạn	63.220.000	-	63.220.000	-
Đầu tư dài hạn	1.212.500.000	-	1.212.500.000	(424.375.000)
	<b>32.244.860.206</b>	<b>(1.599.996.192)</b>	<b>48.725.506.574</b>	<b>(2.006.385.159)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán, phải trả khác	2.674.619.074	1.809.411.841
Chi phí phải trả	138.300.009	536.866.961
	<b>2.812.919.083</b>	<b>2.346.278.802</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>				
Đầu tư ngắn hạn	63.220.000	-	-	63.220.000
Đầu tư dài hạn	-	1.212.500.000	-	1.212.500.000
<b>Cộng</b>	<b>63.220.000</b>	<b>1.212.500.000</b>	<b>-</b>	<b>1.275.720.000</b>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Đầu tư ngắn hạn	63.220.000	-	-	63.220.000
Đầu tư dài hạn	-	788.125.000	-	788.125.000
<b>Cộng</b>	<b>63.220.000</b>	<b>788.125.000</b>	<b>-</b>	<b>851.345.000</b>

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.042.574.954	-	-	16.042.574.954
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7.171.477.042	6.155.092.018	-	13.326.569.060
<b>Cộng</b>	<b>23.214.051.996</b>	<b>6.155.092.018</b>	<b>-</b>	<b>29.369.144.014</b>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.312.701.325	-	-	28.312.701.325
Phải thu khách hàng, phải thu khác	11.606.418.709	5.948.656.381	-	17.555.075.090
<b>Cộng</b>	<b>39.919.120.034</b>	<b>5.948.656.381</b>	<b>-</b>	<b>45.867.776.415</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	2.674.619.074	-	-	2.674.619.074
Chi phí phải trả	138.300.009	-	-	138.300.009
	<b>2.812.919.083</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.812.919.083</b>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	1.809.411.841	-	-	1.809.411.841
Chi phí phải trả	536.866.961	-	-	536.866.961
	<b>2.346.278.802</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.346.278.802</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 30. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

### 31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm tài chính:

	Mối quan hệ	Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>		<b>14.176.880.774</b>	<b>11.892.882.334</b>
- Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tĩnh	Cùng cổ đông lớn	11.493.580.372	11.815.995.554
- Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ đông lớn	13.163.920	-
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng cổ đông lớn	2.368.690.786	-
- Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Miền Nam	Cùng cổ đông lớn	301.445.696	76.886.780
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		<b>363.593.309.461</b>	<b>275.860.258.275</b>
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng cổ đông lớn	363.084.710.767	275.860.258.275
- Công ty CP Sách và Thiết Bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	508.598.694	-

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		<b>13.163.920</b>	<b>229.981.708</b>
- Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ đông lớn	13.163.920	-
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng cổ đông lớn	-	229.981.708
<b>Phải trả cho người bán ngắn hạn</b>		<b>1.952.199.460</b>	<b>242.289.668</b>
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng cổ đông lớn	1.919.721.139	-
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng cổ đông lớn	6.105.000	70.504.985
- Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Miền Nam	Cùng cổ đông lớn	-	87.502.624
- Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Cùng cổ đông lớn	-	51.200.000
- Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng cổ đông lớn	-	24.500.000
- Công ty CP Sách và Thiết Bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng cổ đông lớn	26.373.321	8.582.059

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	628.193.365	351.082.325
Thu nhập của HĐQT và các Phó Tổng Giám đốc	2.032.494.750	810.675.520

### 32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

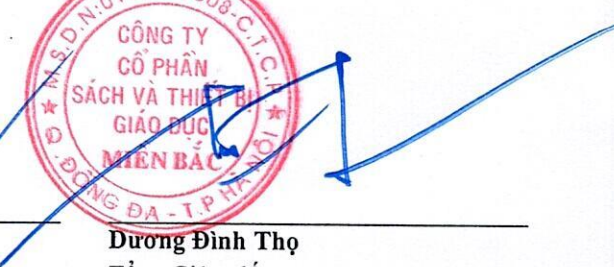


Bùi Thị Thu  
Người lập biểu



Bùi Thị Thu Lan  
Kế toán trưởng



  
Dương Đình Thọ  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2020